

BÀN VỀ TÍN NGƯỠNG CỬU THIÊN HUYỀN NỮ Ở VÙNG HUẾ

(“Cửu Thiên Huyền Nữ” belief in Hue area)^(*)

Lời nói đầu

Mục đích của báo cáo này là khảo sát tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ (九天玄女) ở Huế, qua đó nhìn lại tín ngưỡng dân gian Việt Nam nói chung, tín ngưỡng dân gian Huế nói riêng, đã tiếp thu Đạo giáo Trung Quốc như thế nào.

Trong khi bàn về ảnh hưởng Đạo giáo đối với hệ thống nữ thần và tín ngưỡng dân gian Huế, nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Thông cho rằng *“Một trong những đặc trưng tiêu biểu của loại hình tín ngưỡng dân gian là tiếp biến hình tượng-cụ thể hóa những vị thánh thần có dáng dấp, chức năng, tâm tính-tuy chỉ là suy tưởng-phù hợp với tầng lớp bình dân nghèo khó”* [Nguyễn Hữu Thông, 2001, tr. 51-52].

Vì vậy, trong bản báo cáo này, chúng tôi xin đề cập đến một số vấn đề liên quan đến đặc trưng tiếp biến (trường hợp tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ) cùng những lý do của quá trình tiếp biến. Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi khảo sát lại hình dáng, chức năng và bối cảnh thông qua các cứ liệu thư tịch ghi chép về vị nữ thần này.

1. Tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ

Trước hết, chúng tôi đưa ra một số tài liệu cơ bản miêu tả tín ngưỡng nữ thần này ở Trung Quốc. Tiếp theo, chúng tôi tiến hành so sánh hình thái tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ ở miền Bắc Việt Nam, vùng Huế và miền Nam Việt Nam với các ghi chép trong thư tịch của Trung Quốc.

^(*) TS. Onishi Kazuhiko, Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Việt Nam (Visiting Researcher, Research Institute of Religion, Vietnam)

1.1. Tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ ở Trung Quốc

Một trong những văn bản tài liệu Đạo giáo cơ bản về Cửu Thiên Huyền Nữ là truyện Cửu Thiên Huyền Nữ được ghi trong *Dung Thành tập tiên truyện* (壙城集仙伝)¹ (DTT) do đạo sĩ Đỗ Quang Đình (杜光庭) (850?-933) biên soạn. Truyện ghi lại tiểu sử về vị nữ thần này, trong truyện có đoạn chép:

Dịch nghĩa: Cửu Thiên Huyền Nữ là thầy của Huỳnh Đế, và là học trò Thánh Mẫu Nguyên Quân (tức Tây Vương Mẫu). (---) Xi Vưu tạo ra tai họa tùy ý, có 81 bọn anh em, thân thú nhân ngữ, (---) tạo hình Ngũ hổ làm hại lê dân, (---) không theo lệnh Đế, Đế muốn đánh nó, Huyền Nữ tức truyền bùa Lục Giáp Lục Nhâm Bình Tin cho Đế (---).

九天玄女者黃帝之師，聖母元君之弟子。(---)蚩尤肆孽，弟兄八十一人，獸身人語，(---)作五虎之形以害黎庶。(---)不用帝命，帝欲征之。(---)玄女即授帝六甲六壬兵信之符，(---)。

Như nêu trên, Cửu Thiên Huyền Nữ truyền cho bùa Lục Giáp Lục Nhâm Bình Tin để giúp đỡ Huỳnh Đế đánh Xi Vưu. Vì vậy, người ta cho rằng nữ thần này là một vị thần quân sự linh thiêng.

Chúng tôi đặc biệt lưu ý đến tên Lục Giáp Lục Nhâm (六甲六壬) được ghi trên bùa. “*Lục Giáp Lục nhâm*” là thần cách hóa của sự phối hợp can chi (干支), sau này chúng trở thành nhóm những vị tướng thần có chức năng trừ tà ma [Mã 2002/1996, tr. 335-340]. Kinh điển Đạo giáo *Hoàng Đế độn giáp duyên thân kinh* (黃庭遁甲緣身經)² được dẫn trong bộ *Vân Cáp Thất Thiêm* (雲笈七籤) chép: “*Nếu muốn trừ ác quỷ thì vẽ bùa Lục Giáp, Lục Ất mang đi, đồng thời kêu gọi thần Giáp Dần, ma quỷ đều bỏ chạy*” (若辟除恶鬼者、書六甲六乙之符持行、并呼甲寅神、鬼皆散逃). Trong những vị thần đó, Lục Giáp thường đứng ở vị trí hàng đầu. Thí dụ, sách *Bão phác tử* (抱朴子 (quyển 17, Đăng Thiệp: 登涉) do Cát Hồng (葛洪) (283-343ca.) biên soạn, chép một lời chú nổi tiếng là “*Lục Giáp Bí*

¹ Bộ *Dung Thành tập tiên truyện* (壙城集仙伝) được trích dẫn từ *Vân Cáp Thất Thiêm* (雲笈七籤) (quyển 114).

² *Kinh Hoàng Đế Độn Giáp Duyên Thân* (黃庭遁甲緣身經) được trích dẫn trong *Vân Cáp Thất Thiêm* (雲笈七籤) quyển 14, bộ Tam Động Kinh Giáo (三洞經教部).

Chức” (六甲秘祝). Đó chính là bùa Tứ Tung Ngũ Hoành (四縱五橫符) được người Việt Nam hay dùng khi hành lễ trừ tà ma, [Giran 1912, tr.162; Huỳnh Ngọc Trảng, những người khác 1993a, tr. 161-164; Hồ Tường 2005, tr. 170]. Trong *DTT*, tên (thần) can chi có vai trò thực hiện uy lực của Cửu Thiên Huyền Nữ. Vì vậy, chúng tôi cho rằng giữa hai vị thần này có quan hệ khá mật thiết.

Thế nhưng, theo nghiên cứu trước đây của ông Miyakawa Hisayuki, tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ bắt đầu phổ biến từ thời nhà Đường đến thời Ngũ Đại [Miyakawa 1983, tr. 376, tr. 378-379, và tr. 380 (chú thích 4), tr. 393]. Hơn nữa, *truyện Thủy Hử* (水滸伝) được hình thành thời nhà Minh cũng đã góp phần làm cho tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ được phổ biến sâu rộng hơn. Vì trong *truyện Thủy Hử*, có đoạn (lần thứ 42) ghi Cửu Thiên Huyền Nữ báo cho Tống Giang - nhân vật nam chính của tiểu thuyết này rằng người và 108 hảo hán là hóa thân của 108 vị thần tinh tú tức 36 vị Thiên Canh (三十六天罡) và 72 vị Địa sát (七十二地煞). Ở đây đức Cửu Thiên Huyền Nữ được khắc họa như một vị thần có vị trí trung gian giữa Tống Giang và những vị thần tinh tú đó [Mã 2002/1996, tr. 120]. Hơn nữa, trong *truyện* còn có đoạn (lần thứ 80) chép: vị nữ thần này huấn luyện chiến thuật cho Tống Giang [Sakuraba 1994: 100]. Như vậy, cùng với những vị thần tinh tú, danh xưng của đức Cửu Thiên Huyền Nữ được phổ biến không những ở trong *truyện* thần tiên *Dung Thành tập tiên truyện* mà còn ở cả tiểu thuyết cổ điển như *truyện Thủy Hử* của Trung Quốc [Mã op.cit.: 120-121].

1.2. Tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ ở miền Bắc Việt Nam

Chúng tôi mới tìm thấy tài liệu xung quanh tín ngưỡng về Cửu Thiên Huyền Nữ ở Việt Nam nói chung và miền Bắc Việt Nam nói riêng trong *Đại Việt Sử Lược* (大越史略 quyển 3, phần năm Đại Định 大定 thứ 21 (1160), thời nhà Lý). Sách chép rằng: “Mùa xuân, tháng giêng, dựng đền Nhị Nữ và Xi Vưu ở phường Bồ Cãi” (春, 正月, 起二女蚩尤祠于布蓋坊)³. Ở đây, người ta chỉ tìm thấy tên Xi Vưu

³ Theo phần năm Đại Định thứ 21 của *Đại Việt sử ký toàn thư* (大越史記全書) (quyển 4, Bản kỷ), cũng chép giống như *Đại Việt sử lược*: “Mùa xuân, tháng giêng, dựng đền Nhị Nữ Xi Vưu ở phường Bồ Cãi” (春, 正月, 起二女蚩尤于布蓋坊).

mà thôi. Liên quan đến các ghi chép nêu trên, sách *Tây Hồ chí*⁴ (西湖志), phần chép về đền Huyền Nữ (玄女祠) có đoạn sau đây:

Dịch nghĩa: Đền nằm trong châu Loa, Phương Đàm, giai Bồ Cái, nay là ấp Trích Sài. Đền được xây dựng vào mùa xuân năm Canh Thìn niên hiệu Đại Định thứ 21 thời Lý Thái Tông. Lúc đó, Xi Vu vu quấy đảo, nên đền đã được dựng lên ở đây để trấn giữ. Nay vẫn còn, tục gọi là Công chúa Loa.

祠在布蓋階方潭中螺州。今摘柴邑中是。李英宗大定廿一年庚申春所 所建。問者，在蚩尤妖氣作。故 (建) 祠于此以鎮之。今存。俗稱螺公 主是也。

Sách ghi địa chỉ của ngôi đền này thuộc ấp Trích Sài. Ấp Trích Sài thuộc địa phận phường Bưởi, quận Ba Đình bây giờ (phía tây bắc nội thành Hà Nội) [Bùi Thiết 1993, tr. 463]. Sách còn ghi rằng ngôi đền này được dựng lên để trấn yêu khí của Xi Vu vu. Sau đoạn này, sách còn chép một bài phụ lục: “*dựa vào văn bản sử liệu, đền Huyền Nữ Xi Vu được xây, có lẽ có việc thiếu nhầm*”: 按史文建玄女蚩尤祠。蓋闕誤”。Tác giả bài phụ lục này không ghi cụ thể văn bản sử liệu nào và “thiếu nhầm” cái gì.

Chúng tôi cho rằng có lẽ “văn bản sử liệu” mà sách đề cập chính là đoạn chép trong sách *Đại Việt sử lược* hay là *Đại Việt sử ký toàn thư* kể trên. Còn cái gọi là “thiếu nhầm”, việc ghi thêm tên “Xi Vu vu” cho ngôi đền này trong “văn bản sử liệu” thì không hợp mục đích xây dựng ngôi đền. Hoặc, lại có khả năng từ “Huyền nữ” (玄女) là do viết nhầm của Nhị nữ (二女) trong tài liệu kể trên.

Dù sao đi nữa, ít nhất chúng tôi có thể rõ được hai điều. Thứ nhất là thời điểm năm 1160, Xi Vu vu đã được thờ phụng. Thứ hai là

⁴ *Tây Hồ chí* (西湖志): hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A 3192/1. Sách không ghi rõ về tác giả và niên đại biên soạn. Nhưng qua việc khảo sát địa danh thì có thể đoán định niên đại soạn sách này vào khoảng những năm dưới thời Nguyễn. Bởi vì bài chép huyện Quảng Đức (広德県) trong phần đền Vũ Chương Hầu (武章侯祠) ghi kèm chú thích: “nay là Vĩnh Thuận” (今永順). “Vĩnh Thuận” là tên một huyện nằm ở phía tây Hà Nội. Huyện được đặt vào năm 1805 và bãi bỏ vào năm 1915 [Bùi Thiết 1993: 498]. Vì thế, chúng tôi suy đoán rằng sách này được biên soạn trong thời gian vẫn còn tên huyện Vĩnh Thuận.

có khả năng trong tín ngưỡng thời Lý đã có sự phối hợp Xi Vưu với Cửu Thiên Huyền Nữ.

Có thể xác định được rằng: cho đến thế kỷ XVIII, Xi Vưu trở thành đối tượng tín ngưỡng theo cách thức là phối hợp với Cửu Thiên Huyền Nữ. Những lời “thần chú hộ thân” trong sách *Tam giáo chính độ thực lục*⁵ (三教正度実録) được in ra vào năm Bảo Thái (保泰) thứ 4 (1723) chép:

Dịch nghĩa: Chú rằng, Sắc tứ tung ngũ hoành, ta mới xuất hành, Vũ vương⁶ bảo hộ con đường, Xi Vưu hay lánh binh. Thần ta phù hộ từ bên trong, khi về quê hương mình thì bọn cướp không dấy lên. Cấp cấp Cửu Thiên Huyền Nữ luật lệnh, Na mô Quan Thế Âm Bồ Tát, ba tiếng.

呪曰，勅四縱五橫，吾今出行，武王衛道，蚩尤避兵。吾神中護，殃煞潛驚，還歸本鄉，盜賊不得起，妖魔怪不得行，急急如九天玄女律令。南無觀世音菩薩，三声 [dòng thứ 5, trang 4b-dòng thứ 2, trang 5a].

Trước khi thực hiện nghi lễ đám ma, các vị thầy cúng hoặc nhà sư dùng “thần chú hộ thân” để tự bảo vệ bản thân mình trước ma quỷ. Có lẽ, những nghi lễ này thường được sử dụng cho nên trong các bản sách được in lại nhiều lần, có thể đơn cử trường hợp bản in năm Gia Long (嘉隆) thứ 16 (1817), mang tên là *Tân tuyên tam giáo chính độ thực lục*⁷ (新鐫三教正度実録) cũng có phần “thần chú hộ thân” [dòng thứ 3-6, trang 2a] giống như bản in năm Bảo Thái.

Phần giống nhau trong *Tam giáo chính độ tập yếu*⁸ (三教正度輯要)- bản tóm lược của *Tam giáo chính độ thực lục* (三教正度実録)

⁵ *Tam giáo chính độ thực lục* (三教正度実録) (bản năm Bảo Thái thứ 4) hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.3025.

⁶ Vũ Vương (武王): Chúng tôi cho rằng phải chăng Vũ Vương chính là Chu Vũ Vương (周武王). Vì theo bài báo cáo cha Thecla được chép vào năm 1750, trong phần tín ngưỡng những vị thần quân sự lúc bấy giờ, tên Chu Vũ Vương được nêu lên hàng đầu cùng với tên Thái Công Vọng: 太公望 [St.Thecla, Dror 2002/1750: 126].

⁷ *Tân tuyên tam giáo chính độ thực lục* (新鐫三教正度実録) (bản năm Gia Long: 嘉隆 thứ 16) hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AC.544.

⁸ *Tam giáo chính độ tập yếu* (三教正度輯要) (bản năm Thành Thái thứ 11) hiện lưu giữ tại Thư viện Quốc gia Paris (Bibliothèque nationale, Paris), ký hiệu A.36.

錄) được in ra vào năm Thành Thái 成泰 thứ 11 (1899) cũng chép như sau:

Dịch nghĩa: Chú nói, Sắc tứ tung ngũ hoành, ta mới xuất hành, Vũ vương bảo hộ con đường, Xi Vưu lánh binh. Thần lành bảo hộ, Ương sát hay tiền ần và kinh sợ. Cấp cấp như Cửu Thiên Huyền Nữ luật lệnh.

呪曰，勅四縱五橫，吾今出行，武王衛道，蚩尤避兵。吉神守護，殃煞潛驚，急急如九天玄女律令 [dòng thứ 4-6, trang 3a].

Như đã nêu trên, dù *Tam giáo chính độ thực lục* có mang màu sắc Phật giáo như gọi “Na mô Quan Thế Âm Bồ Tát” nhưng cốt lõi của “thần chú” này là sự phối hợp giữa Cửu Thiên Huyền Nữ, Xi Vưu và lời chú tứ tung ngũ hoành vốn mang tên là “Lục Giáp Bí Chúc”. Hơn nữa, qua việc *Tam giáo chính độ tập yếu* bỏ sót câu “Na mô Quan Thế Âm Bồ Tát”, chúng tôi cho rằng hạt nhân quyền uy của thần chú là Cửu Thiên Huyền Nữ tăng lên.

Các ông Gustavu Dumoutier, Nguyễn Văn Khoan, Trần Văn Giáp đã chỉ ra rằng cho tới sau thế kỷ XX, những văn bản hệ thống của *Tam giáo chính độ thực lục* vẫn được thầy cúng hoặc nhà sư sử dụng trong các sách nghi lễ [Dumoutier 1904: 1-2; Nguyễn Văn Khoan 1933: 29; Trần Văn Giáp 1939: 246].

Như thế thì, trong ý thức cấp bậc những người tín ngưỡng dân gian⁹, Cửu Thiên Huyền Nữ là một vị thần có uy lực mạnh mẽ để thực hiện việc trừ tà ma.

Ông Gustavu Dumoutier lại ghi rằng: “Cửu Thiên Huyền Nữ hoặc nữ thần đen tối trên các tầng trời. Đó là sự tồn tại cao quý nhất ở chín tầng trời của tín đồ Đạo giáo, một vị phù thủy nắm giữ toàn bộ kỹ thuật quân sự, sách vở quân sự. Cửu Thiên Huyền Nữ định ra: vào ngày 30 Tết, vẽ hình cung tên trên sân trong gia đình để

⁹ Ông Phan Kế Bính chép: “Đồng cốt là những người thờ về chư vị như thờ bà Liễu Hạnh công chúa, Thượng ngàn công chúa, Cửu thiên huyền nữ...” [Phan Kế Bính 1992/1915, tr.302; Hésnard 1980, tr.131, 303 (note 824)]. Theo ông, cho đến nửa đầu thế kỷ XX, ông bà đồng cốt thờ phụng cả đức Cửu Thiên Huyền Nữ nữa.

trừ tà ma” [Dumoutier 1907: 56]. Dù ghi lại nghi lễ trừ tà ma được thực hiện trong ngày Tết, song nội dung chủ yếu của những lời ông Dumoutier là Cửu Thiên Huyền Nữ vẫn được coi như là một vị thần cai trị việc quân. Chính vì thế, chúng tôi cho rằng chức năng việc trừ tà ma của Cửu Thiên Huyền Nữ được phát sinh ra từ uy lực mạnh mẽ vốn có của nữ thần quân sự.

1.3. Tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ ở vùng Huế và miền Nam Việt Nam

Về hệ thống tín ngưỡng dân gian ở vùng Huế, ông Trần Đại Vinh khẳng định là đức Cửu Thiên Huyền Nữ có chức năng tổng hợp và là nữ thần nằm ở vị trí hàng đầu trong những vị nữ thần khác như Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi (天依阿那演玉妃), Thánh Mẫu Liễu Hạnh (柳杏聖母) [Trần Đại Vinh 1995, tr. 112]. Ông cũng đã nêu lên một cách chi tiết một số chức năng của nữ thần này là tổ nghề mộc và tổ nghề nề [op.cit.: 151-152]. Theo ông Huỳnh Đình Kết giới thiệu, nhiều làng vùng Huế lập miếu thờ thần này; ông cũng đánh giá nữ thần này là nữ thần được tôn vinh là tổ sư bách nghệ, là tổ sư nghề mộc” [Huỳnh Đình Kết 1998: 38-39]. Ông Kết còn đề cập đến chức năng khác của nữ thần này là có “bổn mạng” (vị thần phù hộ sinh mệnh) của các bà vợ ở trong gia đình, nên trong mỗi gia đình Huế đều lập bàn thờ vị nữ thần này [ibid]. Hơn nữa ông Kết lại chỉ ra rằng nữ thần này được thờ ở Thự Thanh Bình là cơ quan phụ trách về ca múa thời Nguyễn, đồng thời là thủy tổ của tổ chức hội đoàn nghề nghiệp của các nghệ nhân múa hát truyền thống Huế [op. cit.: 178-179].

Ở miền Nam Việt Nam cũng có tín ngưỡng thờ Cửu Thiên Huyền Nữ giống như vùng Huế. Ví dụ, khảo sát của nhóm Huỳnh Ngọc Trảng đã khẳng định rằng “*Bà cũng cứu độ cho giới nữ, đồng thời là vị tổ của các nghề thủ công (thợ mộc, thợ may ---), (---). Cửu Thiên Huyền Nữ được thờ ở các miếu ngoài đình hoặc ngay trong chánh điện của đình (---)*” [Huỳnh Ngọc Trảng 1993., tr. 76-77].

Có thể thấy, trong khái niệm tín ngưỡng đức Cửu Thiên Huyền Nữ ở cả vùng Huế và miền Nam Việt Nam có điểm tương đồng, đó

là: vị thần này có nhiều chức năng khác nhau như là sư tổ nghề mộc, nghề nề, nghề múa hát và “bồn mạng” của phụ nữ nữa.

Tiểu kết

So sánh tình hình tiếp thu và triển khai tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ ở miền Bắc Việt Nam với vùng Huế và miền Nam Việt Nam, thì thấy tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ ở miền Bắc vẫn đậm trách về quân sự và việc trừ tà ma. Đồng thời, trong cách thức tiếp thu tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ có một đặc trưng là sự phối hợp giữa nữ thần này và thần linh khác. Ví dụ, sự phối hợp giữa Cửu Thiên Huyền Nữ và Xi Vưu đã phản ánh trong những lời thần chú trong hệ thống sách *Tam giáo chính độ thực lục* mà các thầy cúng hoặc nhà sư Việt Nam thường dùng.

Ở vùng Huế và miền Nam Việt Nam thì hình như chức năng của vị nữ thần này được đa dạng hóa như trở thành vị tổ sư bách nghệ, trong đó nổi bật lên là vai trò tổ sư nghề mộc. Sự khác biệt này, là do sự tiếp thu trong một thời gian lâu dài và được trải rộng trên khắp lãnh thổ Việt Nam mà có. Song, theo chúng tôi thì trong tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ tại vùng Huế khá giống với trường hợp ở miền Bắc, đó là vẫn có tín ngưỡng thần trừ tà ma phát sinh từ uy quyền và chức năng của vị thần quân sự.

Để minh chứng cho giả thuyết này, ở chương sau, chúng tôi xem xét lại một số tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ tại vùng Huế thông qua các văn bản sử liệu liên quan đến vấn đề này.

2. Những văn bản sử liệu về tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ ở vùng Huế

Tiếp theo, chúng tôi khảo sát lại 3 văn bản sử liệu triều Nguyễn gồm các tập văn khấn, văn sớ có liên quan tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ để xem xét lại vai trò của vị nữ thần này một cách cụ thể, sự phối thờ và cách bố trí giữa nữ thần này với các vị thần linh khác.

2.1. Văn bản của quán Linh Hựu trong Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ

Vua Minh Mạng được nhiều người biết đến là vị vua đã làm

chấn hưng Nho giáo. Ông đã cho xây dựng một ngôi đạo quán (quán Linh Hựu) với quy mô lớn trong Kinh thành vào năm 1829 (năm Minh Mạng thứ 10). Vào thế kỷ XIX, một đạo quán mới có quy mô lớn của khu vực văn hóa Đông Á lại được xây dựng trong nội cung. Đây là một hiện tượng đáng chú ý trong lịch sử Đạo giáo. Căn cứ vào khảo sát dưới đây, chúng tôi cho rằng đức Cửu Thiên Huyền Nữ chính là vị thần được thờ chính trong quán Linh Hựu:

Về quán Linh Hựu, trong phần Tế tự các đền miếu (群祀), bộ Lễ (禮部), quyển 92 của bộ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (KĐĐNHĐSL) (欽定大南會典事例) có đoạn như sau:

靈祐觀¹⁰, 明命十年, 建于京城内御河北, 古靈泰坊地頭. 觀之中為 重霄殿, 中間設龕一奉祀九天聖祖銅像及金童玉女. 左一案設六甲 銅像, 左二案設七十二部地煞塑像. (下略)

Dịch nghĩa: Năm Minh Mạng thứ 10, xây dựng quán Linh Hựu tại đầu phường Linh Thái xưa, nằm ở phía bắc sông Ngự Hà trong Kinh thành. Bên trong quán dựng điện Trùng Tiêu. Gian giữa bày 1 cái khám phụng thờ tượng đồng Cửu Thiên Thánh Tổ và 2 tượng đồng Kim đồng, Ngọc nữ. Ấn thứ nhất bên tả, bày tượng đồng Lục Giáp; ấn thứ nhì bên tả, bày tượng tổ 72 bộ Địa Sát, do viên đạo lục phụng thờ (---).

¹⁰ Quán Linh Hựu (靈祐觀): Theo *Đại Nam thực lục chính biên* (南寔錄正編) (phần tháng 6 năm Minh Mạng thứ 10, quyển 60, kỷ thứ 2) chép rằng: Dựng chùa Linh Hựu “nằm ở phía bắc Ngự Hà”, đặt Đạo Lục Ty để trấn giữ chỗ này. (建靈祐寺 “在御河之北” 置道錄司守之). Quán này mang tên xưng là “chùa”. Và theo phần kể trên của KĐĐNHĐSL, trong gác Từ Vân có dựng pho tượng Phật. Hơn nữa, có khi quán Linh Hựu do sư Nhất Định trụ trì (theo ghi chép trong bản bia “An Dưỡng tự Nhất Định Hòa thượng hành trạng bi ký” (安養寺一定和尚行狀碑記) [Trịnh Khắc Mạnh 2008, tr. 444]. Chúng tôi cho rằng, những pho tượng được đặt trong chính điện đều là vị thần Đạo giáo như kể trên. Rất có thể, trước thời cận đại, các vị sư có thể kiêm nhiệm vai trò của một đạo sĩ [Onishi 2007b, 2009a]. Cho nên quán này, nhiều khả năng còn mang đậm nét Đạo giáo. Theo những khảo cứu nêu trên có thể thấy, tổ chức Đạo Lục Ty được đặt trong quán này. Các tài liệu như *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* và *Đại Nam thực lục* lại không ghi tên cụ thể tổ chức quan lại của Đạo giáo. Theo khảo cứu của chúng tôi, Đạo Lục Ty triều Nguyễn rất khác với Đạo Lục Ty thời nhà Lê hoặc chế độ đạo quan thời nhà Minh, nhà Thanh [Onishi 2007a]. Chúng tôi xin đề cập đến vấn đề này vào dịp khác.

Đoạn tiếp theo có phần miêu tả về các tòa nhà khác nằm bên phải điện Trùng Tiêu (重霄殿), làm gác Trường Quang (祥光閣), bên trái điện Trùng Tiêu, làm gác Từ Vân (慈雲閣). Như vậy là điện Trùng Tiêu được nằm vị trí trung tâm của các tòa nhà, tức là điện này là điện chính của quán Linh Hựu [TTBTDTCĐH 1997: 187]. Vị thần chính được thờ tại điện Trùng Tiêu là Cửu Thiên Thánh Tổ (九天聖祖). Vì vậy, chúng tôi cho rằng một trong những lý do chính để xây dựng quán Linh Hựu là để thờ đức Cửu Thiên Thánh Tổ.

Tên riêng đức Cửu Thiên Thánh Tổ này khó tìm ra trong danh mục tên thần thánh của Đạo giáo. Dựa vào một số cứ liệu dưới đây, chúng tôi đoán rằng đức Cửu Thiên Thánh Tổ chính là Cửu Thiên Huyền Nữ:

Trước hết, trong bài số lễ Thượng Lương (上梁禮) được sưu tầm ở Huế gần đây có đoạn gọi tên thần cai trị giới thợ mộc và bảo vệ lễ này là “*Cửu Thiên Huyền Nữ Thánh Tổ Đạo Mẫu Nguyên Quân*” (九天玄女聖祖道母元君). Theo chức năng của nữ thần này, chúng tôi nghĩ rằng “Cửu Thiên Thánh Tổ” (九天聖祖) là cách viết tắt của “Cửu Thiên Huyền Nữ Thánh Tổ Đạo Mẫu Nguyên Quân”. Chúng tôi sẽ bàn lại về tên vị thần này trong bài số lễ Thượng Lương trong phần 2.3. của bài báo cáo này.

Tiếp theo là những vị thần Lục Giáp (六甲) được thờ bên trái tượng đồng Cửu Thiên Thánh Tổ, là một trong những phụ thần chủ yếu của Cửu Thiên Huyền Nữ như chúng tôi đã nêu lên phân sách DTTTT.

Hơn nữa rất có khả năng, người đương thời suy nghĩ rằng 72 vị Địa Sát (七十二地煞) được thờ bên trái của Cửu Thiên Thánh Tổ chính là bồi thần (thần phụ giúp) của Cửu Thiên Huyền Nữ. Bởi vì, trong *Truyện Thủy Hử*¹¹, có đoạn (bài thứ 42) nổi tiếng là đức “Cửu Thiên Huyền Nữ” chỉ ra quan hệ giữa các vị thần “72 bộ Địa

¹¹ Sự truyền bá của *Truyện Thủy Hử* (水滸傳) vào Việt Nam: Chúng tôi chưa rõ truyện này được truyền vào Việt Nam vào thời gian nào. Theo *Văn Đài loại ngữ* (雲台類語) (quyển 7, Thư tịch : 書籍), tác giả Lê Quý Đôn (1726-1784) ghi về truyện này như sau: “Như truyện Thủy Hử, kể việc bọn Tống Giang (---)” (如水滸傳序宋江等事(---)). Bài tựa sách này được ghi vào năm 1773 (năm Cảnh Hưng thứ 34). Như vậy truyện Thủy Hử được truyền bá vào Việt Nam vào khoảng nửa sau của thế kỷ XVIII.

Sát” và Tống Giang (nhân vật chính truyện này), hình như nữ thần này cai trị những vị thần “72 bộ Địa Sát”. Đồng thời, như đã nêu trên, truyện *Thủy Hử* đóng vai trò quan trọng trong việc phổ cập tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ.

2.2. Văn tế lễ Thượng Lương trong bộ văn bản tài liệu được lưu trữ tại miếu Khai canh của làng Thanh Phước ở vùng Huế

Những tài liệu văn bản được lưu giữ tại miếu Khai canh làng Thanh Phước¹² ở vùng Huế được ghi trong tập văn khấn *Hương Trung tự điển nghi văn tiết tự thứ tự thức* (鄉中祀 典儀文節祀次序式)¹³, có chép bài lễ Thượng Lương. Bài này liệt kê tên các vị thần linh mà dân làng cúng để khấn phụ hộ trong buổi lễ. Đoạn chép như sau:

閼聖后土元君，太歲至德尊神，高閣庠土大王，九天玄女仙妃，当境城隍大王，山川岳瀆四顧尊神，本土土德仙娘，本土火德仙娘，白鶴先生之神，野鶴先生之神，魯班魯卜先生之神，五方龍神柱宅。

Phiên âm: Quan Thánh Hậu Thổ Nguyên Quân, Thái Tuế Chí Đức Tôn Thần, Cao Các Quảng Thổ Đại Vương, Cửu Thiên Huyền Nữ Tiên Phi, Đương Cảnh Thành Hoàng Đại Vương, Sơn Xuyên Nhạc Độc Tứ Cố Tôn Thần, Bốn Thổ Thổ Đức Tiên Nương, Bốn Thổ Hỏa Đức Tiên Nương, Bạch Hạc Tiên Sinh Chi Thần, Dã Hạc Tiên Sinh Chi Thần, Lỗ Ban Lỗ Bốc Tiên Sinh Chi Thần, Ngũ Phương Long Thần Trụ Trạch [Tập văn khấn 23a].

Trong số 12 vị thần linh đã nêu trên, chúng tôi có thể sắp xếp lại theo 3 cấp bậc khác nhau căn cứ vào thứ tự được chép lại.

Cấp bậc thứ 1: Từ Quan Thánh Hậu Thổ Nguyên Quân đến Cửu Thiên Huyền Nữ Tiên Phi là những vị thần có lai lịch khá rõ ràng.

¹² Làng Thanh Phước nằm cách thành phố Huế 4 km về phía bắc, thuộc xã Hương Phong, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

¹³ Tập văn khấn này gồm 26 trang, có kích thước chiều dài 606mm, chiều ngang 362mm. Trang 1A chép tên sách này là *Hương Trung tự điển nghi văn tiết tự thứ tự thức*.

Cấp bậc thứ 2: Từ Đương Cảnh Thành Hoàng Đại Vương đến Dã Hạc Tiên Sinh Chi Thần là những vị thần chung chung và lai lịch không rõ ràng.

Cấp bậc thứ 3: Lỗ Ban Lỗ Bốc Tiên Sinh Chi Thần, Ngũ Phương Long Thần Trụ Trạch. Tức là tổ sư thợ mộc và thổ thần mà cả người Hoa và người Việt thường thờ cúng [Huỳnh Ngọc Trảng, những người khác 1993b: 28].

Trong cấp bậc thứ 1, Quan Thánh Hậu Thổ Nguyên Quân là vị thần mà Quan Thánh Đế Quân (關聖帝君) kết hợp với Hậu Thổ Nguyên Quân (后土元君) là vị nữ thổ thần [Mã 2002/1996, tr. 46-48]. Thái Tuế Chí Đức Tôn Thần (太歲至德尊神) vừa là một vị mộc tinh trên trái đất vừa là một vị hung thần¹⁴ rất độc ác [Mẫn - Lý 1995, tr. 236]. Cao Các Quảng Thổ Đại Vương (高閣廣土大王) là một vị thần cai quản một vùng [Trần Đại Vinh 1995, tr. 101; Huỳnh Đình Kết 1998, tr. 39]. Trong danh sách các vị thần được ghi ở trên, người ta lại tìm ra được tên của đức Cửu Thiên Huyền Nữ. Chúng tôi chưa rõ về hai vị thần Bạch Hạc Tiên Sinh và Dã Hạc Tiên Sư Chi Thần trong cấp bậc thứ 2, từ đoạn ghi Đương Cảnh Thành Hoàng Đại Vương trở về sau là thần địa linh hoặc thần đất đai của chủ xứ. Các vị Lỗ Ban Lỗ Bốc Tiên Sinh Chi Thần, Ngũ Phương Long Thần Trụ Trạch thuộc cấp bậc thứ 3 là những vị thần sư tổ nghề mộc hoặc thần thổ địa của Trung Quốc. Theo mục đích xây nhà, thần đất đai hoặc thần khu vực chiếm một nửa; song cần lưu ý rằng các thần chiếm vị trí hàng đầu vẫn bao gồm thần quân sự như Quan Thánh và Cửu Thiên Huyền Nữ hoặc hung thần như vị thần Thái Tuế. Hơn nữa, Lỗ Ban và Lỗ Bốc là hai vị tổ sư nghề mộc, nhưng người Hoa lại xếp ở cấp bậc dưới. Từ việc quan sát các ví dụ nêu trên, có thể thấy: để bảo vệ cho ngôi nhà trong quá trình xây dựng, bước đầu có thể trông cậy vào các vị thần với mong muốn có được uy lực lớn mạnh.

Trong tập văn khấn lại có văn Chính kỵ (正忌文) [11a-14b]. Nội dung bài này được dùng trong lễ cầu an để tránh ôn dịch, có thể

¹⁴ Theo những truyện trong sách *Quảng Dị ký* (廣異記) và *Dậu Dương tạp trở* (酉陽雜俎) trích dẫn từ bộ *Thái Bình Quảng ký* (太平廣記) (phần yêu quái: 妖怪4, quyển 362) có chuyện toàn gia tộc bị tiêu diệt do một người trong họ đã bới đào Thái Tuế từ dưới đất.

kể ra đây những vị thần Ôn dịch như Ngũ Ôn thần (五瘟神), Đại Lệ thần (大癘神), v.v. [13a-13b]. Trong các vị thần được nêu tên đó, lại thấy xuất hiện tên Lục Giáp Lục Đinh Chi Thần (六甲六丁之神) [13b]. Nó cũng giống như trường hợp Cửu Thiên Huyền Nữ được nêu trong *DTTTT* và phụ thần trong quán Linh Hựu.

Bài văn Chính kỵ chép về những vị thần được liệt kê rằng “Tôn thần ngự tai hãn họa chi thần (尊神禦災捍禍之神). Như thế là dân làng mong đợi thần Lục Giáp Lục Đinh thực hiện vai trò của vị thần ngự tai hãn họa”. Đây có thể nghĩ đến khả năng: khái niệm được phái sinh từ uy lực của vị thần quân sự.

Như vậy, dù đã được ghi ở các trang khác nhau, nhưng cả hai vị thần Cửu Thiên Huyền Nữ và Lục Giáp đều nhờ có uy lực mạnh mẽ của vị thần quân sự, vẫn duy trì chức năng vốn có là trừ tà ma.

Chính vì thế, chúng tôi khẳng định rằng sự phối hợp của hai vị thần kể trên vẫn được tái hiện lại trên các tập văn khấn được lưu giữ tại các làng lân cận của thành phố Huế giống như trong sách truyện Cửu Thiên Huyền Nữ trong *Dung Thành tập tiên lục* hoặc như cách bố trí các pho tượng tại quán Linh Hựu.

2.3. Bàn về bài sớ lễ Thượng Lương được bán ở Huế

Trong bài sớ¹⁵ được dùng trong lễ Thượng Lương (上梁礼), do tác giả bài báo cáo này đã sưu tập được ở chợ Đông Ba vào năm 2007, có đoạn ghi tên các vị thần linh có liên quan đến lễ Thượng Lương, như sau:

Dịch nghĩa: Nhất thành thượng đạt Cửu Thiên Huyền Nữ Thánh Tổ Đạo Mẫu Nguyên Quân chiếu giám, Võ Thánh Khương Thái Công tại thử Bát Quái Phù, Cổ Tích Thiên Đại Phong Thần Tôn Vị, Lỗ Ban Lỗ Bốc Nhị Vị Tiên Sư Tôn Thần, Bản Xứ Thành Hoàng Tôn Thần, Bản Xứ Thổ Địa Tôn Thần, Ngũ Hành Liệt vị Nương, Lịch Đại Sư Tôn Thần, Đông Trù Ti Mạng Táo Quân Ngũ Phương Thổ Công Tôn Thần, Bản Xứ Thiện Thần Thị Tòng Bộ Hạ

¹⁵ Bài sớ lễ Thượng Lương này được in vào giấy màu vàng có kích thước chiều dài 364 mm, chiều ngang 613 mm, có 18 dòng, được ghi bằng cả chữ Hán và chữ Quốc ngữ.

Vô Tự Âm Cô Hồn liệt vị đồng thùy chiếu giám, (---) [dòng thứ 7- dòng thứ 13].

一誠上達九天玄女聖祖道母元君炤鑑， 武聖姜太公在此八卦符，古昔天代封

神尊位，魯班魯卜二位先師尊神，本處城隍尊神，本處土地尊神，五行列位

娘、歷代師尊神、東厨司命竈君五方土公尊神、本處善神、侍從部下、無

祀陰孤魂列位、同垂炤鑑。(---)

Ở đây, người ta nhìn thấy tên đức Cửu Thiên Huyền Nữ đặt ở vị trí hàng đầu trong số tên các vị thần khác nhau. Hơn nữa, theo cách bố trí đoạn văn thì, giữa Cửu Thiên Huyền Nữ và những vị thần linh khác chia thành hai phần, có thể như là vị nữ thần này được đặt ngò đặc biệt.

Điều đó làm cho người ta có thể xác nhận được là đối tượng tín ngưỡng chính của lễ Thượng Lương là đức Cửu Thiên Huyền Nữ. Khương Thái Công (姜太公)¹⁶ cũng được đặt ngò đặc biệt sau vị nữ thần này. Cần lưu ý rằng, Khương Thái Công cũng là một vị thần quân sự, có xưng hiệu Võ Thánh (武聖) trong bài sớ. Trong những vị thần linh khác trong bài sớ này lại có tên vị thần Lỗ Ban. Thần Lỗ Ban vốn là một người thợ mộc khéo tay của Trung Quốc cổ đại và Đài Loan, được tôn sùng là vị thần nghề mộc khéo léo với danh xưng Xảo Thánh Tiên Sư (巧聖先師) [Lưu 1994, tr. 352, 365]. Trong bài sớ này, ngoài Lỗ Ban Lỗ Bốc ra, lại có tên là Lịch Đại Tiên Sư (歷代先師) với nghĩa là những vị tiền bối của nghề mộc ở Việt Nam. Chúng tôi cho rằng Tiên Sư trên thực tế chính những là vị tổ sư nghề mộc. Còn Cửu Thiên Huyền Nữ là sự tồn tại có uy quyền khác ở trên cấp bậc Tiên Sư này.

Ở khu vực Đông Á, người ta lại dùng một cái thước đặc biệt có tên là thước Lỗ Ban (魯班尺) vừa để đo kích thước nhà cửa vừa để đoán may rủi. Ở Việt Nam, thước Lỗ Ban cũng được sử dụng

¹⁶ Khương Thái Công tức Thái Công Vọng. Xin xem chú thích Thái Công Vọng trong bài này.

[Phan Thanh Hải 2003, tr. 326-327]. Trong đồ sưu tầm của Viện Bảo tàng Lịch sử ở Hà Nội, trên thước Lỗ Ban, có khắc một cái bùa với lời chú “Cấp cấp như Cửu Thiên Huyền Nữ luật lệ” (Xin xem tấm ảnh số 1) (đã trình bày trong phần 1.2. bài báo cáo này khi mô tả hệ thống sách *Tam giáo chính độ thực lục*). Theo lời TS. Trịnh Chính Hạo (鄭正浩)¹⁷ khi trao đổi với tác giả bài này vào ngày 15 tháng 8 năm 2009, thì: quan hệ giữa Cửu Thiên Huyền Nữ với tổ sư nghề mộc ở Đài Loan chưa rõ ràng và hơn nữa trong thước Lỗ Ban mà TS. Trịnh đã sưu tập không có tên vị nữ thần này.

Như vậy, qua so sánh tín ngưỡng hiện tại về tổ sư nghề mộc người Hoa và người Việt Nam thấy có điểm giống nhau, đó là cùng thờ chung vị thần Lỗ Ban; nhưng lại có điểm khác nhau, đó là: ở thời điểm hiện tại chỉ có ở Việt Nam mới có tín ngưỡng đức Cửu Thiên Huyền Nữ.¹⁸

Một điều mà chúng tôi không thể bỏ qua trong bài sơ nêu trên đó là sự kết hợp danh xưng Cửu Thiên Huyền Nữ và Thánh Tổ Đạo Mẫu Nguyên Quân (聖祖道母元君). Chúng tôi cho rằng trong tên này có sự kết hợp hai vị nữ thần khác nhau là Cửu Thiên Huyền Nữ và Tây Vương Mẫu (西王母). Phần lời tựa *DTTTT* ghi rằng: “Phụ nữ đắc Đạo thì vị trí cao nhất là Nguyên Quân. Tập truyện này viết Kim Mẫu trở thành Chủ Nguyên Quân (女子得道位極於元君、此伝以金母為主元君). Theo đó, nếu dựa vào thuật ngữ thần học Đạo giáo, Nguyên Quân (元君) trong “Thánh Tổ Đạo Mẫu Nguyên Quân” có ý nghĩa là “Tây Vương Mẫu”.

¹⁷ TS. Trịnh Chính Hạo: người Đài Loan, nguyên là GS trường Đại học nữ Tâm Thanh Đức Mệ Okayama (Nhật Bản), ông chuyên nghiên cứu về Đạo giáo. Chúng tôi xin ghi tên họ Tiến sĩ Trịnh ở đây để tỏ lòng cảm ơn.

¹⁸ GS.TS. Nikaido Yoshihiro 二階堂善弘 (Trường Đại học Kamsai: Nhật Bản) chỉ dạy cho chúng tôi rằng trong sách *Sự lâm quảng ký* (事林廣記) của Trần Nguyên Tĩnh (陳元靚) cuối thời Nam Tống (南宋) Trung Quốc có đoạn ghi “cái thước Cửu Thiên Huyền Nữ” (九天玄女尺). Chúng tôi xin ghi lại thông tin quý báu để bày tỏ lòng cảm ơn. Thêm nữa, sách *Cổ kim thích nghi* (古今積疑) (quyển 18) của Phương Trung Lý (方中履) thời nhà Minh cũng có đoạn ghi: cái thước Lỗ Ban Cửu Thiên Huyền Nữ “魯班九天玄女尺”. Như vậy, từ thời Nam Tống đến thời nhà Minh, ở Trung Quốc cũng có tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ có liên quan đến thợ mộc hoặc vấn đề phong thủy. Chúng tôi mong đợi các nghiên cứu tiếp theo về vấn đề này.

Còn theo truyện Cửu Thiên Huyền Nữ trong *DTTTT* như đã kể trên, có đoạn là nữ thần này là “*đệ tử của Thánh Mẫu Nguyên Quân*” (聖母元君弟子也). Truyện Tây Vương Mẫu trong *DTTTT* lại có đoạn: “*Tây Vương Mẫu (---) lại có hiệu là Kim Mẫu Nguyên Quân. (---) Vương Mẫu ra lệnh cho một phụ nữ đầu chim mình người và nói với (Hoàng) đế rằng: Ta là Cửu Thiên Huyền Nữ*” (---) (西王母(---)亦号曰金母元君(---)王母乃命一婦人人首鳥身, 謂帝曰我九天玄女也. (---)). Như vậy, trong các tài liệu quan trọng, có thể thấy rõ mối quan hệ giữa Cửu Thiên Huyền Nữ và Tây Vương Mẫu khá mật thiết.

Hơn nữa, tín ngưỡng thần bốn mạng Huế có 2 hệ thống cùng song song tồn tại: một là Tây Cung Vương Mẫu (西宮王母)/Đoài Cung Vương Mẫu (兌宮王母) hay nói cách khác thuộc hệ Tây Vương Mẫu [Cadière 1958/1930, tr. 72; Trần Đại Vinh 1995, tr.119], hay là thuộc hệ Cửu Thiên Huyền Nữ [Huỳnh Đình Kết 1998, tr.38]. Những năm gần đây, hai vị nữ thần này vẫn được phối thờ như ghi chép trong sách địa chí huyện Phong Điền thuộc phía tây bắc tỉnh Thừa Thiên Huế kể rằng: “Theo đức tin được truyền lại, người phụ nữ còn thờ Cửu Thiên Huyền Nữ, Tây Cung Vương Mẫu Bốn Mạng Chúa Tiên---” [Nguyễn Văn Hoa và những người khác 2005, tr. 485-486]. Ở đây, đức Cửu Thiên Huyền Nữ được nêu lên ở vị trí hàng đầu trong nhóm các vị thần linh, và cả hai vị nữ thần này đều là vị thần bốn mạng của người phụ nữ.

Từ quan niệm tiếp cận nêu trên, ở vùng Huế đã nảy sinh quan niệm có sự kết hợp giữa Cửu Thiên Huyền Nữ và Tây Vương Mẫu. Cho nên tên chủ thần là “Cửu Thiên Thánh Tổ” được thờ ở quán Linh Hựu nêu trên có nhiều khả năng có sự kết hợp tên gọi của cả hai vị nữ thần. Mặc dù vậy, trong những vị thần phụ được đặt bên cạnh thần chủ có liên quan nhiều tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ, thì tính cách của Cửu Thiên Huyền Nữ, tức vị thần trông coi chiến tranh và trừ tà ma, được nổi bật nhiều hơn Tây Vương Mẫu.

Tiểu kết

Như vậy, chúng tôi nghĩ rằng sự phối hợp giữa thần chính Cửu Thiên Huyền Nữ với các vị thần phụ, đặc biệt với thần Lục Giáp được kể trong văn bản tài liệu Đạo giáo như *DTTTT* đã phản ánh trong việc bố

trí các pho tượng tại chính điện của quán Linh Hựu hoặc trong sách văn khấn đang lưu giữ tại làng Thanh Phước. Điều này được triển khai rõ ràng theo cách thức vừa nổi bật lên trong những vị thần tổ sư nghề mộc khác như Lỗ Ban, vừa pha trộn với Tây Vương Mẫu tại vùng Huế.

Sau đây, chúng tôi suy nghĩ thêm về nguyên nhân của một số trường hợp việc thờ phụng Cửu Thiên Huyền Nữ tại quán Linh Hựu, tại thị Thanh Bình vì nữ thần này thường được coi là có chức năng quân sự. Người ta nghĩ rằng Cửu Thiên Huyền Nữ có sức mạnh to lớn của vị thần quân sự. Vì vậy, sức mạnh đề trừ tà ma này thường tiềm ẩn trong cây gỗ, vừa coi nữ thần này là tổ sư của nghề mộc.

3. Khảo sát

Dưới đây, căn cứ vào kết quả xem xét những văn bản nêu trên, chúng tôi sẽ thử khảo sát hoặc đưa ra giả thuyết về những lý do cho việc xây dựng quán Linh Hựu, nguyên nhân tại sao đức Cửu Thiên Huyền Nữ được Thanh Bình Từ Đường thờ phụng và trở thành tổ sư nghề mộc.

3.1. Thử khảo sát về lý do mà đức Cửu Thiên Huyền Nữ được thờ phụng với tư cách là vị thần chính của quán Linh Hựu

Giống như nhiều chùa quán khác, chưa có tài liệu nào ghi rõ về lý do cụ thể và tỉ mỉ về việc dựng quán Linh Hựu. Song chúng tôi cho rằng công trình xây dựng quán Linh Hựu là biểu tượng của việc hoàn thành hệ thống bảo vệ xung quanh Kinh đô Huế và tỉnh Thừa Thiên.

Theo quyển 23, *Minh Mạng chính yếu* (明命政要): cho đến năm Minh Mạng thứ 9 (1828), triều Nguyễn cho xây dựng lại hệ thống bảo vệ xung quanh cả tỉnh Thừa Thiên và Kinh đô Huế như sau:

Phía đông: năm đầu (1820), “Sửa đắp đài Trấn Hải” (修築鎮海台).¹⁹

¹⁹ Đài Trấn Hải (鎮海台): *Đại Nam nhất thống chí* (大南一統志) (ĐNNTC) (Kinh sư: 京師, Cửa ải: 閩汛) chép, “Thành Trấn Hải nằm ở phía Bắc cửa biển Thuận An, cách huyện Hương Trà 30 lý về phía Đông, (---). Năm Gia Long thứ 12 (1813) xây thành Viên Đài (---). Đầu năm Minh Mạng thứ 12 (1820) cho sửa lại. (---) Năm Minh Mạng thứ 15 đổi tên thành Trấn Hải (鎮海城, 在香港東三十里順安海口之北(---). 嘉隆十二年築門台城(---) 明命元年十二年重修. (---) 十五年改名鎮海城). Vị trí hiện nay thuộc làng Thai Dương Hạ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế [Đình Xuân Vịnh 2002, tr.672].

Phía bắc: năm thứ 5 (1824), “*Đắp thành Quảng Bình*²⁰. (---) Khi thành đắp xong, lại lấy có một dải đồn lũy dài²¹ là nơi phải phòng thủ trong buổi đầu lập quốc”, (---) (築広平城. (---) 及城成又以長畧一條乃国初設險之地. 命修之(---).

Phía nam: năm thứ 7 (1826), “*Xây đắp cửa ải Hải Vân*”²² (砌築海雲関).

Phía tây nam: năm thứ 7 (1826), “*Vua lấy có mé trên đặng tây, đặng nam tỉnh Thừa Thiên, giáp với Mường Mán ở núi, nên sai đắp hai đồn Hưng Bình*²³ và *Du Mộc*”²⁴. 帝以承天西南上道 接山蛮, 築興瓶油木二堡.

Cuối cùng, năm Minh Mạng thứ 9 (1828), vua Minh Mạng kể rằng, “*Trẫm tự lúc lên ngôi đến nay, đắp trường thành ở Quảng Bình, xây cửa quan ở đèo Hải Vân, những chỗ xung yếu gần bể như cửa bể Thuận An*²⁵, *cửa bể Tư Dung*²⁶ không đâu là không lập pháo

²⁰ Thành Quảng Bình (広平城): Nay thuộc địa phận thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình [Đinh Xuân Vịnh 2002, tr. 534-535].

²¹ Đồn lũy dài (長畧): tức hệ thống lũy Đồng Hới được các chúa Nguyễn cho xây dựng từ năm 1630 đến năm 1662 nhằm ngăn chặn quân Trịnh (鄭) [Cadière 1906]. Nay thuộc thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

²² Cửa ải Hải Vân (海雲関): ĐNNTC (Kinh sư, Cửa ải) chép, “*Cửa ải Hải Vân nằm ở trên đỉnh Hải Vân, cách huyện Phú Lộc 66 lý về phía Đông Nam*” (海雲関, 在富禄県東南六十六里海雲嶺上). Nay vẫn nằm ở núi và đèo Hải Vân, giáp tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng [Đinh Xuân Vịnh 2002, tr. 273].

²³ Đồn Hưng Bình (興瓶堡): ĐNNTC (Kinh sư, Cửa ải) chép, “*Đồn Hưng Bình nằm cách huyện Phú Lộc 59 lý về phía tây nam*” (興瓶堡, 在富禄県東南五十九里). Huyện Phú Lộc: nay là huyện Phú Lộc thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế [Đinh Xuân Vịnh 2002, tr. 511].

²⁴ Đồn Du Mộc (油木堡): ĐNNTC (Kinh sư, Cửa ải) chép, “*Đồn Du Mộc nằm ở cách huyện Phú Lộc 56 lý về phía nam*” (油木堡, 在富禄県南五十六里).

²⁵ Thuận An (順安): ĐNNTC (Kinh sư, Cửa ải) chép, “*Cửa biển Thuận An nằm cách huyện Hương Trà 30 lý về phía đông*” (順安海汛, 在香茶県東三十里). Nay thuộc cả hai huyện Hương Trà và huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

²⁶ Tư Dung (思容) tức cửa biển Tư Hiền (思賢) ngày nay. Sách ĐNNTC (Kinh sư, Cửa ải) chép: “*Cửa biển Tư Hiền nằm ở cách huyện Phú Lộc 41 lý về phía Đông Bắc. (---) Triều nhà Lý đặt tên là Ô Long Hải Môn, triều nhà Trần đổi tên thành Tư Dung, (---) Năm Triệu Trị nguyên niên (1841) đổi tên như hiện nay*” (思賢海汛, 在富禄県東南四十一里(---) 李朝名烏龍海門, 陳朝改思容(---) 紹治元年改今名). Nay thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế [Đinh Xuân Vịnh 2002, tr 691].

đài; thành trì ở các trấn cũng lần lượt xây đắp” (---). (朕自親政以來修長城於庾平、砌雄關海雲、順安□思容沿海衝要之處、不設立砲台.(---). Qua những lời này, có thể xác nhận rằng cho đến năm Minh Mạng thứ 9, hệ thống bảo vệ xung quanh Kinh đô Huế hầu như đã hoàn thành. Như vậy, có thể nghĩ rằng cho đến năm Minh Mạng thứ 10, vua Minh Mạng cho dựng quán Linh Hựu để khẩn đức Cửu Thiên Huyền Nữ bảo vệ cung thành là trung tâm hệ thống phòng vệ xung quanh thủ đô Huế.

Chính vì vậy, chúng tôi mới hiểu được lý do tại sao vua Minh Mạng tôn Cửu Thiên Huyền Nữ trở thành thần chính của quán Linh Hựu mà không lựa chọn những vị thần khác chỉ có vai trò chung chung như Ngọc Hoàng Thượng Đế hay là Thái Thượng Lão Quân... Vì ông vua này có mục đích rất rõ ràng là mong đón tiếp vị thần tiêu biểu nhất có thể bảo vệ cho cả hoàng cung và hệ thống phòng thủ bảo vệ vùng kinh đô vừa mới được dựng lên. Điều đó chứng tỏ vua Minh Mạng đã công nhận nữ thần này là một vị thần quân sự rất linh thiêng.

3.2. Quan hệ giữa thự Thanh Bình và đức Cửu Thiên Huyền Nữ - Âm nhạc và quân sự

Theo sách *Huế-Lễ hội dân gian* của ông Tôn Thất Bình, trong từ đường tòa Thanh Bình có thờ phụng Cửu Thiên Huyền Nữ cùng với các vị thần tổ ngành tuồng như Lục Giáp và Lục Đinh... [Tôn Thất Bình 2000, tr. 79]. Như đã nói trước, từ đường tòa Thanh Bình (淸平祠堂) vốn là thự Thanh Bình (淸平署) là một cơ quan âm nhạc triều Nguyễn. Song, cần phải lưu ý là cơ quan này lại có nhiều liên hệ với quân sự nữa. Phần thự Thanh Bình, Kinh Quân hiệu, bộ Bình, quyển 143 sách *KĐDNHĐSL* có đoạn ghi như sau:

Dịch nghĩa: (---) Gia Long nguyên niên (1802), chiêu mộ lập đội Việt Tường, để sung vào hầu trực ca múa. Năm thứ 5 (1806), nghị chuẩn: Đội Việt Tường, liệt vào hạng trong tinh binh.(---). Năm Minh Mạng thứ 9 (1828), đổi đội Việt Tường làm thự Thanh Bình. (---). Năm thứ 10 (1829), nghị chuẩn: Thự Thanh Bình liệt làm tinh binh²⁷.

²⁷ Tinh binh: lính ở ngoài, còn gọi là giải binh (giải là chọn) [Nguyễn Tương Phượng 1950, tr.45].

(---) 嘉隆元年、越祥隊募立以充侍候歌舞。五年(1806)、議準越祥 隊列為從精兵項。(---) 明命 九年(1828)、改越祥隊為清平署。(---) 十年(1829)、議清平署列為精兵。(---)

Như vậy, đội Việt Tường là tiền thân của thự Thanh Bình đã được thiết lập vào đầu triều Nguyễn. Dù những thành viên này làm nghề ca múa, nhưng dần dần được đãi ngộ như tinh binh ở địa phương. Vào thời Minh Mạng, họ càng được coi trọng và trở thành lính chính thức ở địa phương. Vì thế, có thể nói tổ chức này thuộc cơ quan quân sự của triều Nguyễn và được thiết lập từ rất sớm.

Mặc dù chưa đưa ra được nhiều tài liệu cụ thể về hoạt động của thự Thanh Bình với ngành quân sự, nhưng chúng tôi cho rằng giữa quân sự và âm nhạc triều Nguyễn thường có mối liên hệ khá mật thiết. Ví dụ, ông Michel Đức Chaigneau miêu tả cảnh huấn luyện hải quân của vua Gia Long như sau:

“Trong một chiến thuyền có đến 70 tay chèo mà ít khi thấy ai sai nhịp. Một người đội cầm lệnh, dùng hai miếng gỗ đánh vào nhau chan chát để gõ nhịp, giống như người chỉ huy một ban nhạc. (---) Lại còn một cách nữa để ra lệnh cho thuyền đi, là dùng giọng hát. Người trong đội hay một thủy thủ cất tiếng hát, lúc ấy các mái chèo đều im trên mặt nước, dứt câu hát, những thủy thủ khác cùng cất cao giọng mà hò theo, rồi cùng chèo một lượt”. (---) [Chaigneau 1867: 50-51].

Như vậy, tổ chức quân đội rất cần thiết “hành động có nhịp điệu” hoặc “ra lệnh bằng tiếng hát” để có thể thực hiện nhiệm vụ một cách chính xác. Vua Gia Long đã có nhiều kinh nghiệm về quân sự, trải qua chiến đấu ác liệt và lâu dài với lực lượng Tây Sơn, nên ông hiểu rõ tầm quan trọng của âm nhạc trong quân sự. Cho nên rất có thể, ông đã sớm cho xây dựng cơ quan có trách nhiệm về âm nhạc trong tổ chức quân sự. Chúng tôi ngờ rằng, thự Thanh Bình thờ phụng vị thần quân sự như đức Cửu Thiên Huyền Nữ từ khá sớm.

3.3. Thử khảo sát về lý do đức Cửu Thiên Huyền Nữ là tổ sư của nghề mộc

Truyện Mộc Tinh (木精伝) trong sách *Lĩnh Nam chí quái* (嶺南摭怪) có chép đoạn như sau:

Dịch nghĩa: Đất Phong Châu thời thượng cổ có một cây rất lớn gọi là cây chiên đàn cao hơn ngàn nhân. (---). Trải qua hàng ngàn năm, cây ngày càng khô héo và biến thành yêu tinh, thường thay hình đổi dạng, rất dũng mãnh, có thể giết người hại vật. (---) Dân thường gọi thần Xương Cuồng. (---) Đến đời vua Đinh Tiên Hoàng có pháp sư Văn Du Tường vốn người phương Bắc, đức hạnh thanh cao, (---) năm hơn 80 tuổi sang nước Nam ta. Tiên Hoàng lấy lễ thầy trò mà tiếp, pháp sư bảo bày trò để làm vui cho thần Xương Cuồng xem mà giết y. [Đinh Gia Khánh 1990/1960, tr. 51-52].

峯州之地, 上有一大樹. 名曰栴檀. 高千仞余. (---) 其樹經久不知幾千年. 及枯朽化為妖精, 變現勇猛, 能傷殺人. (---) 相傳呼猖狂神. (---) 至丁先皇有法師愈文牟乃北人, 操行修潔, (---) 到我国年已八十. 先皇以師事之, 始教以技術娛猖狂神, 而殺之. (---)

Trong bài này kể rằng, thời Đinh Tiên Hoàng (丁先皇) trị vì (năm 968?-979), ở Phong Châu (峯州) (tỉnh Phú Thọ ngày nay) có một cây cổ mang tinh quái có thể làm hại người và đã bị pháp sư người phương Bắc tiêu diệt. Pháp sư²⁸ người phương Bắc này là một người đạo sĩ Trung Quốc²⁹. Ở đây, người ta nhìn thấy đạo sĩ và phép thuật Đạo giáo Trung Quốc đối phó với yêu quái Mộc Tinh.

Bài khoa “Giải Lôi Công phách lịch” (雷公霹靂科) trong sách *Tạp tiểu chư khoa*³⁰ (雜醮諸科) thường được các thầy cúng và pháp sư Việt Nam dùng, trong bài có ghi lời chú: “nhất, chém, chém mộc

²⁸ Pháp sư (法師): Theo sách *Đường Lục Điển* (唐六典), vào thời Đường, đạo sĩ có 3 xưng hiệu khác nhau dựa theo trình độ tu hành. Cấp bậc thứ 1 được gọi là Pháp sư (法師), thứ 2 là Uy Nghi sư (威儀師), thứ 3 là Luật sư (律師). Sau đó danh hiệu “Pháp sư” đã trở thành xưng hiệu đạo sĩ cao tay [Lưu 1994a, tr. 537].

²⁹ Người phương Bắc ở đây dùng để chỉ người Trung Quốc. Ví dụ: theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỷ toàn thư, quyển 6, kỷ nhà Trần) chép: “Vào năm Hưng Long thứ 10 (1302), bấy giờ có người đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo theo thuyền buôn sang nước ta, (---), Phép phù thủy, trai tiểu, khoa nghi bắt đầu thịnh hành từ đó” (興隆十年, 北方道士許宗道從商舶我国, (---), 符水齋醮科儀盛行始之). Còn trong *Bài ký chuông quán Thông Thánh Bạch Hạc* (白鶴通聖觀鐘記) tác giả đạo sĩ Hứa Tông Đạo tự ghi rằng mình là người “Lý Hải Đan, hương Thái Bình, huyện Phúc Thanh, Phúc Châu, lộ Phúc Kiến 福建路福州清福縣太平鄉海檀里. Nay thuộc huyện Bình Đàm, tỉnh Phúc Kiến” (福建省平潭縣) [Onishi 2008, tr. 6-7].

³⁰ *Tạp tiểu chư khoa* (雜醮諸科): hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A 899 và A1950.

*ương hung ác nhất định tiềm tàng, thần sám quay cho (nó đến) thượng giới, phách lịch gửi cho (nó đến) hướng khác”, (---). 斬斬木殃凶惡必潛藏, 雷神回上界, 霹靂送他方, (---). [Tờ 10b, dòng 6 : A899/2]. Sau khi sám sét đánh vào chỗ nào, nhờ uy lực của thần sám, những lời chú này được dùng để trừ tà ma ẩn trong cây gỗ. Hoặc theo bài “Khoa chiêu hồn” (招魂科) trong sách *Tạp tếu chú khoa* để thực hiện lễ tang lại có lời Kệ Mộc với quan tài: “Phật có thần thông, chém, mộc ương, nhất, nhị, tam, chém quỷ tiềm tàng, yêu khí mộc tinh về di hải ngoại, hung ương ác sát dời đi hướng khác”, (---). 仏有神通斬木殃, 一二三斬鬼潛藏, 妖氣木精歸海外, 凶殃惡殺去他方, (---) [Tờ 48b, dòng 3-4 : A1950/5]. Trong những lời chú hoặc lời kệ, người ta thấy có hai khái niệm khác nhau. Khái niệm thứ nhất là trong cây gỗ hay đồ gỗ đều có mộc tinh hung ác tiềm ẩn. Thứ hai là để trừ tà ma tiềm ẩn trong cây gỗ người ta phải nhờ vào uy lực của thần linh và đức Phật.*

Ở vùng Huế cũng vậy, cha Cadière đã từng miêu tả nhiều trường hợp con ma ẩn trong cây [Cadière 1955/1918, tr. 11-13, tr. 40-41]. Hơn nữa, theo ông Trần Đại Vinh: Khi hoàn tất việc xây dựng một ngôi nhà, dân gian thường làm lễ “tống mộc” (送木礼) với ý nghĩa là “xua đuổi mộc tinh”, là những hồn ma ẩn nhập, thác ngụ trong cây, phải lánh xa, trả lại bình yên cho gia đình” [Trần Đại Vinh 1995, tr. 92].

Ông Trần Đại Vinh chưa ghi tên những vị thần linh mà người ta cầu xin phù hộ khi hành lễ, thế nhưng bài sớ dùng trong lễ Thượng Lương³¹ mà tác giả bài báo cáo đã sưu tầm ở chợ Đông Ba vào năm 2007 đã liệt kê những vị thần linh như sau:

Dịch nghĩa: Phụng thỉnh Cửu Thiên Huyền Nữ Thánh Tổ Đạo Mẫu Nguyên Quân, Lỗ Ban Lỗ Bốc Nhị Vị Tôn Thần, Đệ Nhất Kim Trang Vương, Đệ Nhị Xã Lệnh Vương, Đệ Tam An Túc Vương, Diêm Vương Giám Sát Chương Tù Ngục Tốt Đại Tướng Quân, Ngũ Phương Mộc Ương Mộc Ách Thần Quan, Trung Gian Thập Ác Đại

³¹ Bài sớ lễ Thượng Lương này tổng cộng có 19 dòng, được ghi bằng chữ Hán và bằng chữ Quốc ngữ, được in trên giấy màu vàng có kích thước chiều dài 377 mm, chiều ngang 617 mm.

Bại Thần Quan, Đông Phương Trần Địa Ngục Chủ Giả Quỷ Chi Danh, Nam Phương Thái Địa Ngục Chủ Giả Quỷ Chi Danh, Tây Phương Trịnh Địa Ngục Chủ Giả Quỷ Chi Danh, Bắc Phương Đặng Địa Ngục Chủ Giả Quỷ Chi Danh, Trung Ương Mai Địa Ngục Chủ Giả Quỷ Chi Danh, Vô Thường Quỷ Sư Linh Quan, Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ Ngũ Hành Khí Biến Vi Ngũ Quỷ Tác Quái Thần Quan, Ngũ Phương Nam Tà Nữ Giả Quỷ - Thạch Tinh Cốt Khí - Kim Chùy Thiết Trượng - Phủ Thiết Dao Thương - Trát Cốc Tỏa Hình - Phục Thi Cổ Khí - Thổ Mộc Tà Tinh - Ly Mỹ Vọng Lượng - Tróc Phục Già Khảo Đả - U Tù Hung Khí - Yếu Tử Đãi Nam Thương Hung Thần Đẳng Chúng (---) [dòng thứ... dòng thứ 16]

奉請九天玄女聖祖道母元君、魯班魯卜二位尊神、第一金莊王、第二社令王、第三安肅王、閻王監察掌囚獄卒大將軍、五方木殃木厄神官、中間十惡大敗神官、東方陳地獄主者鬼之名、南方蔡地獄主者鬼之名、西方鄭地獄主者鬼之名、北方鄧地獄主者鬼之名、中央枚地獄主者鬼之名、無常鬼使靈官、金木水火土五行五氣變為五鬼作怪神官、五方男邪女鬼、石晶骨氣、金鎚鐵杖、斧鐵刀鎗、桎梏鎖形、伏屍故氣、土木邪精、魑魅魍魎、捉縛伽拷打、幽囚凶氣、妖死歹南殤凶神等衆。(---)

Trong danh mục tên các vị thần linh nêu trên, bắt đầu từ “Ngũ Phương Mộc Ương Mộc Ách Thần Quân” trở đi là những tên phức tạp khó phân biệt đó là dùng để chỉ các vị thần linh hay dùng để chỉ bọn ma quỷ. Thậm chí lại có xưng hiệu là “Thần Quan” mà có tên là “Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ Ngũ Hành Khí Biến Vi Ngũ Quỷ Tác Quái”. Chúng tôi cho rằng, tác giả bài số này không muốn phân biệt rành mạch là thần linh hay là ma quỷ. Đoạn từ sau “Phổ Cập Ngũ Phương Nam Tà Nữ Quỷ” được gọi chung là “Chúng” là dùng để chỉ bọn ma quỷ, có lẽ đó là những ác linh (chỉ bọn ma quỷ) thường tiềm ẩn trong cây gỗ. Sau khi liệt kê tên bọn ma quỷ, bài số tiếp viết “*Thỉnh phó bốn diên, hưởng kỳ phỉ lễ, phản hồi Dương Châu đại địa, tống quy hải ngoại ngao du, bất đắc hồi cố, ẩn nặc gia trung, khiêu cầu tế tự*”(---). 請赴本筵享其菲禮, 返回揚州大地, 送歸海外遨遊, 不得回顧隱匿家中邀求祭祀.(---). Có nghĩa là sau khi nhận lễ này, bọn ma quỷ vẫn tiềm ẩn trong cây gỗ đòi được chuyển đi nước ngoài như Dương Châu tại Trung Quốc.

Chúng tôi lại cho rằng những vị thần linh có uy quyền đuổi trừ tà ma tiềm ẩn trong cây gỗ là từ Cửu Thiên Huyền Nữ đến Diêm Vương Giám Sát Chương Tù Ngục Tốt Đại Tướng Quân. Trong đó Cửu Thiên Huyền Nữ chính là vị thần mà nhờ đó nghi lễ Tống Mộc đạt được hiệu quả, tên của vị thần này rõ ràng phải được đặt lên hàng đầu. Chính vì vậy, tôi nghĩ rằng: lý do chủ yếu Cửu Thiên Huyền Nữ có thể đóng vai trò như vị thủy tổ của nghề mộc, để xử trí với khái niệm mộc tinh trong cây gỗ của người Việt Nam, đó là vị nữ thần này cần có uy lực mạnh mẽ của vị thần quân sự.

Tiểu kết

Triều đình Nguyễn, từ vua Minh Mạng đến các quan võ đều tin vào đức Cửu Thiên Huyền Nữ, họ công nhận đức ấy là một vị thần quân sự linh thiêng. Vua Minh Mạng lựa chọn nữ thần này làm chính thần tại quán Linh Hựu để mong có được sự phù hộ cho cả hoàng cung nói riêng và hệ thống trang thiết bị bảo vệ khu vực kinh đô nói chung. Do quân sự và âm nhạc có mối quan hệ rất mật thiết nên những người lính thuộc thự Thanh Bình chịu trách nhiệm việc ca múa cũng tin thờ vị nữ thần này. Chắc chắn họ cũng tin rằng vị nữ thần này có uy lực rất mạnh mẽ trong ngành quân sự.

Đồng thời, đức Cửu Thiên Huyền Nữ đóng vai là tổ sư nghề mộc, một lý do đó là người thợ mộc cần có uy lực mạnh mẽ để trừ mộc tinh tiềm trong cây gỗ. Vì vậy, cần tin vào vị thủy tổ Cửu Thiên Huyền Nữ có thể bảo vệ cho quyền uy với tư cách là vị thần quân sự.

Thay lời kết và những vấn đề đặt ra

Như đã kể trên, cách tiếp thu tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ ở Việt Nam nói chung, ở vùng Huế nói riêng, thường bảo lưu nguyên vẹn theo các tài liệu văn bản Đạo giáo (như *DTTTT*). Tiêu biểu nhất là người ta tiếp thu truyện các nữ thần khác mà trung tâm điểm là Cửu Thiên Huyền Nữ hoặc là kết hợp các nữ thần khác theo cách mô tả các truyện xung quanh vị nữ thần này. Thứ nhất là sự phối hợp giữa thần chính là Cửu Thiên Huyền Nữ và phụ thần Lục Giáp như việc bố trí pho tượng tại quán Linh Hựu. Thứ hai là sự phối hợp giữa Cửu Thiên Huyền Nữ và Tây Vương Mẫu như

trong tín ngưỡng bốn mạng hoặc cách biểu hiện tên nữ thần ghi trong các bài sớ.

Chúng tôi cũng khẳng định rằng, trong quá trình tiếp thu tín ngưỡng về nữ thần này, có một số thay đổi như tín ngưỡng bốn mạng hay là sự trở thành tổ sư ngành mộc. Nhưng những thay đổi này đã được ghi lại trong văn bản Đạo giáo. Ví dụ, Cửu Thiên Huyền Nữ trong tín ngưỡng dân gian vẫn giữ tính cách là một vị thần rất linh thiêng với việc trừ tà ma. Chúng tôi cho rằng điều đó được tạo ra từ khái niệm là nữ thần này vốn là thần quân sự mạnh mẽ. Chính vì vậy, hình dạng, chức năng, tính cách của Cửu Thiên Huyền Nữ trong tín ngưỡng vùng Huế vẫn bảo lưu, ít có sự thay đổi.

Trong bối cảnh đó, vùng Huế có truyền thống thờ phụng đức Cửu Thiên Huyền Nữ với tư cách là vị võ quan trong một thời gian dài, có thể là cho đến tận thế kỷ XX. Mặc dù, sau năm 1886 quán Linh Hựu bị phá hỏng [Nguyễn Đắc Xuân 2002, tr. 37], nhưng tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ trong quân đội triều Nguyễn vẫn được duy trì. Bài báo cáo của ông Albert Sallet và ông Nguyễn Đình Hòe vào năm 1914 chép: “*Quan võ của Kinh đô đảm nhiệm việc cúng Cửu Thiên Thánh Mẫu (九天聖母) ở chùa Võ Ban*”³² (武班寺) [Sallet - Nguyễn Đình Hòe 1914, tr. 342]. Chúng tôi cho rằng, như đã nêu trên, rất có thể “Cửu Thiên Thánh Mẫu” chính là “Cửu Thiên Huyền Nữ”, vì do tên hai vị nữ thần có nhiều điểm giống nhau và hơn nữa chức năng của Cửu Thiên Huyền Nữ rất hợp với võ quan. Hơn nữa, ở Thái Miếu tại Đại Nội gần khu vực Tuần Bình Nha Môn (巡兵衙門) - ngôi đồn lính cận vệ, cũng có một ngôi miếu thờ Cửu Thiên Huyền Nữ (Xin xem ảnh số 2).

Ngoài võ quan ra, phụ nữ trong hoàng tộc cũng tin thờ vị nữ thần này. Am Phúc Thọ (福寿庵) trong gác Khương Ninh (康寧閣), cung Diên Thọ (延壽宮) của Đại Nội là nơi thờ phụng của các bà hoàng gia triều Nguyễn [Trần Đức Anh Sơn 2004, tr. 121-123]. Nơi đây đang lưu giữ một tấm hoành phi được làm năm Thành Thái thứ 12 (1900) ghi lại lịch lễ vía Phật Thánh hằng năm. Trong lịch có ghi rõ ngày dựng bia Cửu Thiên Huyền Nữ (九天玄女誕) vào ngày 11

³² 武班寺: Đáng tiếc là báo cáo của hai ông không ghi rõ vị trí ngôi chùa.

tháng 10³³ (Xin xem tấm ảnh số 3-1, 3-2). Đây là tài liệu chứng tỏ rằng cho đến cuối thế kỷ XIX, các bà trong hoàng gia triều Nguyễn vẫn thờ phụng Cửu Thiên Huyền Nữ.

Như vậy, cả dân gian và hoàng gia, phụ nữ vùng Huế nói chung đều thờ phụng Cửu Thiên Huyền Nữ. Vì hay nhìn thấy bàn thờ bốn mạng ở vùng Huế, tác giả bài báo cáo này cũng rất thú vị về tín ngưỡng bốn mạng với Cửu Thiên Huyền Nữ. Tín ngưỡng bốn mạng vùng Huế rất điển hình nhưng ít người bàn về nguồn gốc của tín ngưỡng đó. Hiện nay, do chưa có điều kiện để khảo sát kỹ hơn về vấn đề này, chúng tôi chưa thể bàn kỹ về quan hệ giữa tín ngưỡng bốn mạng và Cửu Thiên Huyền Nữ. Xin phép đưa ra một số giả thuyết về vấn đề này như là một gợi mở cho nghiên cứu tiếp theo.

Đây là việc xem xét lại Đạo giáo hoặc tín ngưỡng dân gian miền Nam Trung Quốc, đặc biệt là của Phúc Kiến (福建) và Đài Loan (台湾), hy vọng có thể tìm ra được chìa khóa để giải quyết vấn đề này. Đạo giáo Phúc Kiến đã truyền bá vào Việt Nam và Đài Loan cùng với việc di dân lâu đời. GS.TS. Sakai Tadao (酒井 忠夫) khẳng định: do di cư đạo sĩ người Phúc Kiến sang Đài Loan, phái Chính Nhất Đạo giáo được triển khai ở Đài Loan [Sakai 1992, tr. 15]. Trường hợp Việt Nam cũng vậy [Onishi 2008]. Nên nếu xem xét tình hình Đạo giáo hoặc tín ngưỡng dân gian Đài Loan, người ta có thể tìm được nhiều thông tin tham khảo để khảo sát tín ngưỡng ở Việt Nam. Ví dụ, theo việc khảo sát lễ Lạc Nhạc Phủ (落獄府)³⁴ mà pháp sư người Đài Loan thực hiện, GS.TS. Huruya Sinpei (古家信平) vừa ghi lại vai trò quan trọng³⁵ của Cửu Thiên Huyền Nữ trong nghi lễ

³³ Tác giả bài báo cáo này được TS. Suenari Michio cung cấp thông tin về hoành phi tại am Phúc Thọ, Đại Nội vào ngày 16 tháng 8, năm 2009. Chúng tôi xin ghi ra tên họ của TS. Suenari Michio để bày tỏ lòng cảm ơn.

³⁴ Lễ Lạc Nhạc Phủ (落獄府): một nghi lễ khá quy mô và được tiến hành nhằm mục đích chữa bệnh nặng. Theo quan niệm của pháp sư người Đài Loan, khi bệnh nặng thì có lúc linh hồn bệnh nhân vất vớ vào Địa phủ (地府) (Âm phủ). Bởi vậy, pháp sư đặt bàn thờ tại gia đình bệnh nhân đó và hành lễ để làm cho linh hồn nhập vào cơ thể bệnh nhân [Huruya 1999, tr. 250].

³⁵ Vai trò của Cửu Thiên Huyền Nữ trong lễ Lạc Nhạc Phủ: Ví dụ, quá trình đầu tiên và quan trọng của lễ Lạc Nhạc Phủ là việc làm cầu Kim Cương (金剛橋) để nối liền giữa trần gian và âm phủ. Cầu Kim Cương được làm bằng một cái ghế dài được dán vải màu xanh nhạt. Pháp sư vẽ tên Cửu Thiên Huyền Nữ nường nường bằng phấn viết để làm bùa có mục đích trừ tà ma [Huruya 1999, tr. 339].

này, vừa khẳng định vị nữ thần này rất linh nghiệm trong việc chữa bệnh phụ nữ [Huruya 1999, tr. 334, 339, 342, 360].

Chính vì thế, khi nghiên cứu kỹ văn hóa tín ngưỡng vùng Huế nói chung, tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ vùng Huế nói riêng, vì là vấn đề còn bỏ ngỏ, chúng tôi nghĩ rằng nên nghiên cứu so sánh văn hóa của các nước trong khu vực, đặc biệt là miền Nam Trung Quốc và Đài Loan.

Tài liệu trích dẫn và tham khảo

- Bùi Thiết (1993), *Từ điển Hà Nội, phần địa danh*, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
- Cadière, Léopold (1906), “Le Mur de Đồng Hới. Etude sur l’Etablissement de Nguyễn en Cochinchine”, *BEFEO*, Hanoi, pp. 87-254.
- Cadière, Léopold (1955/1918), “Le culte des arberes: Croyances et pratiques religieuses des vietnamiens dans les environs de Huế”, *Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens, EFEO*, Saigon, pp. 33-84, (Atesrieurement publiée dans *BEFEO*, Hanoi, 1918, pp. 1-60).
- Cadière, Léopold (1958/1930), “La famille et la religion en pays Annamite”, *Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens, EFEO*, Saigon, pp. 9-70, (Atesrieurement publiée dans *BAVH*, 1930, Huế, pp. 353 - 413).
- Chaigneau, Michel Duc (1867), *Souvenirs de Huế*, Imprimerie Impériale, Paris.
- Dumoutier, Gustave (1904), *Le rituel funéraire des annamites*, Imprimerie typolithographique F. - H.Schneider, Hanoi.
- Dumoutier, Gustave (1907), *Les cultes annamites*, F.-H.Schneider. Imprimeur-éditeur, Hanoi.
- Đinh Gia Khánh (dịch và chú thích) (1990/1960), Vũ Quỳnh-Kiều Phú hiệu đính, *Lĩnh Nam chích quái* (sách tái bản), Nxb. Văn học, Hà Nội.
- Đinh Xuân Vịnh (2002), *Sổ tay địa danh Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Giran, Paul (1912), *Magie- religion annamites*, Augustin Challamel, Paris.
- Hénard, Nicole Louis (Présentation et traduction annotée) (1980), Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục (Moeurs et coutumes du Vietnam)*, Collection de textes et documents sur Indochine, *EFEO*, Paris.
- Huruya Shinpei (1999), *Nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian ở xã hội người Hoa Đài Loan*, Nxb. Tokyodo, Tokyo.
- Huỳnh Đình Kết (1998), *Tục thờ thần ở Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường (1993a), *Đình Nam Bộ - tín ngưỡng và nghi lễ*, Nxb. Tp.Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

- Huỳnh Ngọc Trảng, (1993b), *Ông Địa - Tín ngưỡng và tranh tượng*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- Hồ Tường (Chủ biên) (2005), *Đình ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- Lê Minh Quốc (1998), *Các vị tổ ngành nghề Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- Lưu Chi Mạn (1994a), “Pháp sư”, Noguchi Tetsuro, những người khác, *Từ điển Đạo giáo*, Nxb. Hirakawa, Tokyo, tr. 537.
- Lưu Chi Mạn (1994b), *Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian ở Đài Loan*, Hukyosha, Tokyo.
- Mã Thư Điền (2002/1996), *Những vị thần Đạo giáo Trung Quốc*, Nxb. Đoàn Kết, Bắc Kinh.
- Mẫn Trí Đình, Lý Dương Chính (Chủ biên) (1995), *Đạo giáo đại từ điển*, Nxb. Hóa Hạ, Bắc Kinh.
- Nhóm biên soạn Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế (TTBTDTCH) (1997), *Thần Kinh nhị thập cảnh-Thơ vua Thiệu Trị*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- Nguyễn Đắc Xuân (2002), *Hỏi đáp về triều Nguyễn và Huế xưa*, Tập 4, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên), (2001), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- Nguyễn Lộc (2000), “Những yêu cầu cần làm ngay đối với Hát bội cung đình Huế”, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, *Kỷ yếu Hội thảo Bảo tồn và phát huy giá trị Tuồng cung đình Huế*, Công ty in Thống kê và Sản xuất bao bì Huế, Huế, tr. 77-81.
- Nguyễn Tương Phụng (1950), *Lược khảo binh chế Việt Nam qua các thời đại*, Nxb. Ngày mai, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Hoa, Nguyễn Khoa Lạnh, Trần Đại Vinh (Đồng chủ biên) (2005), *Địa chí Phong Điền*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Khoan (1933), “Le repéchage de l’âme”, *BEFEO*, N°-1, pp. 2-29.
- Onishi Kazuhiko (2003), “Bước đầu tìm hiểu về các ghi chép liên quan đến Đạo giáo trong tộc phả, gia phả hiện lưu giữ tại làng Thanh Phước, tỉnh Thừa Thiên Huế”, *Xã hội và văn hóa Việt Nam*, Hokyosha, Tokyo, số 4, tr. 110-139.
- Onishi Kazuhiko (2006), “Tín ngưỡng thần sấm Việt Nam với Đạo giáo”, *Bản báo cáo điều tra Viện Bảo tàng Quốc gia Dân tộc học*, Viện Bảo tàng Quốc gia Dân tộc học, Osaka, số 63, tr. 85-107.
- Onishi Kazuhiko (2007a), “Vai trò của nhà sư Phật giáo đóng vai là đạo sĩ Lão giáo trong nghi lễ được miêu tả trong tập văn khấn Phật giáo Việt Nam thế kỷ XVIII”, *Xã hội và văn hóa Việt Nam*, Hukyosha, Tokyo, số 7, tr. 3-23.
- Onishi Kazuhiko (2007b), “Bàn về chế độ quan lại Đạo giáo của thời Hậu Lê Việt Nam (thế kỷ XVIII)”, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội (Viết chung), *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ II*, Thành phố Hồ Chí Minh 2004- Nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội, 133-142).

- Onishi Kazuhiko (2008), “Bàn về sự truyền bá của giáo phái Chính Nhất Đạo giáo sang Việt Nam”, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội (Viết chung), *Truyền tập báo cáo khoa học Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ III*, Hà Nội, 2008, CD. VNH3. TB4. 323.
- Onishi Kazuhiko (2009a), “Phải chăng lần xuất gia thứ nhất của Trần Nhân Tông là để trở thành đạo sĩ?”, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn-Đại học Quốc gia Hà Nội, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Đông phương học Việt Nam lần thứ tư*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 165-175.
- Onishi Kazuhiko (2009b), “Đạo giáo với tư tưởng thiên mệnh của vua Lê Thánh Tông”, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Harvard-Yenching, *Nghiên cứu tư tưởng Nho gia Việt Nam từ hướng tiếp cận liên ngành*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 433-45.
- Ogawa Yoichi, (1994), “72 vị Địa Sát”, Noguchi Tetsuro, những người khác (biên), *Từ điển Đạo giáo*, Nxb. Hirakawa, Tokyo, tr. 232-233.
- Phan Kế Bính (1992/1915), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Tp.Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- Phan Thanh Hải, “Hệ thống thước đo thời Nguyễn”, *Nghiên cứu Huế*, Tập 5, tr. 319-327.
- Sakai Tadao (1992), “Đạo giáo của Đài Loan xem qua từ Lịch sử Trung Quốc-Đài Loan”, Sakai Tadao, *Tôn giáo của Đài Loan với nền văn hóa Trung Quốc*, Hukyosha, Tokyo, tr. 11-41.
- Sa kuraba Kazunori (1994), “Cửu Thiên Huyền Nữ”, Noguchi Tetsuro, những người khác, *Từ điển Đạo giáo*, Nxb. Hirakawa, Tokyo, tr. 100.
- Sallet, Albert - Nguyễn Đình Hòe (1914), “Enumération des temples et lieux de culte du Huế”, *BAVH*, pp. 341-342.
- St.Thecla, Adriano di (writer), Dror, Olga (translator and annotater) (2002/1750), *Opusculum de Sectis apud Sinenses et Tunkinenses (A Small Treatise on the Sects among the Chinese and Tonkinese): A Study of Religion in China and North Vietnam in the Eighteenth Century*, Cornell Unive. Ithaca, New York.
- Tôn Thất Bình (1997), *Huế - Lễ hội dân gian*, Hiệu sách Trường Tâm, Huế.
- Trần Đại Vinh (1995), *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- Trần Đức Anh Sơn (2004), *Huế-Triều Nguyễn. Một cái nhìn*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- Trần Văn Giáp (1939), “Note sur la bannière de l'âme, A props d'une cérémonie bouddhique à la mémoire des victimes de Phénix”, *BEFEO*, pp. 224-272.
- Trịnh Khắc Mạnh, những người khác (2008), *Tổng tập thạc bản văn khắc Hán Nôm*, Duffion: Les Indes Savantes, Tome 14, Paris.



1. Ảnh số 1: Thước Lỗ Ban (hiện lưu giữ ở Viện Bảo tàng Lịch sử Hà Nội, 09.7.15. Cô Sekimoto Noriko chụp).
2. Ảnh số 2: Miếu Tối Linh (thuộc khu vực Tuần Bình Nha Môn cũ ở Đại Nội, 09.8.5 TS Suenari M chụp).
3. Ảnh số 3: Hoành phi lịch tế lễ tại am Phúc Thọ (09.8.16 TS Suenari M chụp).
4. Ảnh số 4: Cửu Thiên Huyền Nữ trên lịch (09.8.16, TS Suenari M chụp).